

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày: 09 - 9 -2023

V/v tranh chấp đòi lại đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Quang

Ông Bùi Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TBTL-TA ngày 06 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp đòi lại đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXX-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Võ Phương T**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C và bà Trần Thị H - Luật sư, Công ty Luật TNHH Hà Châu, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ: Số K, đường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B – Phó phòng Tài nguyên & Môi trường. Có mặt

- UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T – Phó Chủ tịch UBND xã. Có mặt

- Bà Cao Thị V, sinh năm 1953. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Bà D Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Anh Võ Phương G, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Tạm trú tại: Số 33 đường Y, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt

- Ông Nguyễn Bảo H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1953. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1953. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Trần Văn K, sinh năm 1957. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Lê V, sinh năm 1940. Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Võ Phương T khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngày 29/5/1993 UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp sổ Lâm bạ số 128/VP-UB diện tích 40 ha cho ông Võ Phương T đất trống để xây dựng vườn rừng tại xứ Hốc Lắm, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có tứ cận: Phía Bắc giáp Trạch Trọc; phía Đông giáp đình Động Rậm và Động Chòi; phía Tây giáp Trạng Bằng và Trạng Lều; phía Nam giáp Rẹ Rẹ. Trong đó có phần diện tích 3,1 ha đất ông T sử dụng đến năm 2002 (vì mối quan hệ giữa anh Võ Phương G và anh Nguyễn Văn TX là bạn bè) nên ông T cho anh TX mượn phần diện tích này trồng hai lứa cây keo, thời gian khoảng 15 năm. Sau khi anh TX trồng cây keo được một thời gian thì anh TX đi vào miền Nam, để lại cây keo cho bố mẹ là ông Nguyễn Văn Bính và bà Nguyễn Thị T chăm sóc (hiện nay ông Bính, anh TX đã chết). Sau

khi khai thác cây keo lú thứ nhất, bà Thuận không trồng tiếp lú thứ hai mà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bảo H và bà Nguyễn Thị T2. Khi biết được ông T đã nhiều lần đề nghị ông Hiến, bà T2 thu hoạch cây keo để trả lại đất cho gia đình ông T, nhưng ông Hiến, bà T2 không trả và cho rằng đất mua của bà Thuận dẫn đến tranh chấp, UBND xã H tiến hành hòa giải không thành, đồng thời ông Hiến, bà T2 cho biết mảnh đất này đã bán lại cho ông Nguyễn Văn H, UBND xã H tiến hành hòa giải giữa ông T với ông H, không có kết quả. Ông Võ Phương T khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn H phải di dời, thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích 3,1 ha (theo kết quả thẩm định của Tòa án) đất tại xứ Hóc Lắm, thửa đất số 25, tờ bản đồ 85 (bản đồ địa chính năm 2015), địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để trả lại phần diện tích đất này cho gia đình ông T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Võ Phương T và bà Cao Thị V đã kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ông T đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại do cấp sơ thẩm chưa đánh giá một cách đầy đủ, khách quan các chứng cứ có tại hồ sơ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình nguyên đơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa trình bày:

Ngày 20/7/2020 ông H mua đất của ông Nguyễn Bảo H và bà Nguyễn Thị T2 bằng giấy viết tay, không có xác nhận chính quyền địa phương, không liên quan đến ông T, nguồn gốc diện tích 3,1 ha đất này là của ba thành viên trong một gia đình, gồm ông Nguyễn Bính 0,8 ha, bà D Thị T 1,6 ha và anh Nguyễn Văn TX 0,8 ha sử dụng từ rất lâu. Khi mua ông Hiến, bà T2 đưa nguyên giấy chuyển nhượng đất có xác nhận UBND xã giữa ông Bính, bà Thuận với ông Hiến, bà T2 cho ông H. Nay ông H không đồng ý di dời, thu hoạch toàn bộ cây cối và trả lại diện tích 3,1 ha đất tại xứ Hóc Lắm, thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ 85 (bản đồ địa chính năm 2015), địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H cho ông T, vì đất này là của UBND xã quản lý.

Ông H không nhất trí với nội dung kháng cáo của ông Võ Phương T và bà Cao Thị V vì cấp sơ thẩm đã xét xử khách quan và trung thực, thẩm phán đã về từng nhà có liên quan và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác minh cụ thể, sau gần hai năm xác minh mới đưa ra xét xử và tuyên án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D Thị T khai tại bản tự khai:

Gia đình bà Thuận không phải là thành viên trong sổ lâm bạ do ông T thành lập và không có việc cháu TX (con trai) bà Thuận mượn đất ông T. Nguồn gốc phần đất này là đất hoang thuộc UBND quản lý, từ trước đến nay gia đình bà Thuận không thấy ai sử dụng. Năm 2002 gia đình bà Thuận vào sể phát, chặt phát cây dại “Thì không có góc cây bạch đàn hay cây lú rây nào hết” và được nhận phần đất này để trồng rừng theo dự án mỗi người không quá 01 ha, gia đình tôi gồm có ba thành viên được nhận 3,1 ha được nhà nước hỗ trợ tiền cây giống, ông T không có ý kiến gì. Đến năm 2012 do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bảo H và bà Nguyễn Thị T2, có lập văn bản được

UBND xã xác nhận. Nay ông T khởi kiện buộc ông H trả lại diện tích 3,1 ha đất như trên là không đúng, vì vậy đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện ông T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Bảo H khai tại bản tự khai:

Năm 2012 ông Hiến, bà T2 mua phần diện tích đất này của ông Nguyễn Văn Bính, bà D Thị T có lập văn bản được UBND xã xác nhận, sau này ông Hiến, bà T2 bán lại cho ông H cũng có giấy viết tay, vì thời điểm đó mua bán những vùng đất trên khi mua bán chỉ có giấy viết tay là giá trị nhất, ranh giới giữa phần đất này với đất ông T do chính ông T đào hào sâu, dài ngăn cách hiện còn nguyên. Đến năm 2016 nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T tự ý đo luôn phần đất của ông Hiến, bà T2 vào để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) cho con trai là anh Võ Phương G. Ông Hiến, bà T2 đến gặp ông T để hỏi lý do thì được ông T trả lời đây là đất ông T cho ông Bính, bà Thuận mượn, sau đó ông Hiến, bà T2 làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết nhưng không thành. Đến năm 2020, ông Hiến, bà T2 bán lại diện tích 3,1 ha đất này cho anh Nguyễn Văn H với số tiền 320.000.000 đồng thời cũng đã giao giấy mua bán trước đây giữa gia đình ông Bính, bà Thuận với ông Hiến, bà T2 cho ông H luôn. Vì vậy ông T khởi kiện là không đúng, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương G, bà Cao Thị V và bà Nguyễn Thị A khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh Võ Phương G, bà Cao Thị V thống nhất như quan điểm của nguyên đơn ông – Võ Phương T; bà Nguyễn Thị A đồng ý với quan điểm của bị đơn ông – Nguyễn Văn H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã H tại hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:

Diện tích 3,1 ha đất xứ Hóc Lắm đang tranh chấp nằm trong sổ Lâm bạ số 128/VP-UB, ngày 29/5/1993 do UBND huyện H cấp cho ông Võ Phương T làm tổ trưởng, có nhiều hộ gia đình, diện tích 40 ha, thuộc tiểu khu 245, xã H, sau khi cấp Lâm bạ các hộ tự chia đất hay sử dụng như thế nào xã không biết, UBND xã và các cơ quan nhà nước không giao đất thực địa cho ông T cũng như các hộ gia đình khác. Trước năm 1993 phần đất này do xã quản lý, từ năm 1993 đến năm 2001 UBND xã không biết hộ nào sử dụng. Nhưng từ năm 2002 đến 2012 phần diện tích này do gia đình ông Nguyễn Văn Bính, bà D Thị T và anh Nguyễn Văn TX (con trai) là thành viên dự án IFAD trồng rừng sử dụng. Năm 2012 ông Bính, bà Thuận chuyển nhượng phần diện tích trên cho ông Hiến và bà T2, sau đó năm 2020 ông Hiến, bà T2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H sử dụng, từ đó phát sinh tranh chấp. Tại bản đồ năm 2015 thể hiện phần diện tích này chủ sử dụng mang tên anh Võ Phương G vì tại thời điểm đó do ông T khai, nhưng khi xây dựng hồ sơ cấp đất thì anh G không đủ điều kiện. Vì vậy UBND xã H đề nghị Tòa án xem xét yếu tố sử dụng đất của các hộ gia đình bà Thuận và ông Hiến, bà T2. Bên cạnh đó nên cân nhắc hiện nay gia đình ông T đã được nhà nước cấp diện tích đất rừng rất

nhiều (trong 40 ha gia đình ông T đã sử dụng hơn 16 ha), để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện H tại hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:

Nguồn gốc diện tích 3,1 ha xứ Hóc Lắm đang tranh chấp trước năm 1993 là không có hộ gia đình nào sử dụng mà do nhà nước quản lý, thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, UBND huyện H đã giao Hạt kiểm lâm huyện H tham mưu, ngày 29/5/1993 UBND huyện H cấp sổ Lâm bạ số 128/VP-UB mang tên Võ Phương T, diện tích 40 ha cho các hộ gia đình tại xã H, nhưng không được giao đất thực địa cũng như không có dự án trồng cây bạch đàn tại địa phương như nguyên đơn trình bày. Căn cứ quyết định số 3952/QĐ-UBND, ngày 16/12/2013 UBND tỉnh Hà Tĩnh, đề án giao đất, giao rừng giai đoạn 2013 - 2015 hiện trạng thực tế các hộ dân đang sử dụng ổn định không có tranh chấp, ông T và các hộ dân sản xuất đất xác nhận. Xét hồ sơ đề nghị UBND xã H, UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình theo danh sách sổ Lâm bạ gần hết diện tích 40 ha cho các hộ gia đình, tuy nhiên quá trình cấp GCNQSDĐ chưa thu hồi sổ lâm bạ số 128/VP-UB, ngày 29/5/1993 của ông T do còn một phần diện tích ông T đang sử dụng chưa được cấp GCNQSDĐ, trong thời gian tới sẽ xem xét thu hồi sổ Lâm bạ này. Từ năm 2002 đến nay hộ gia đình khác sử dụng phần đất đang tranh chấp, cũng như ông T không chứng minh được việc có tác nghiệp trên phần diện tích đất đang này, vì vậy UBND huyện H đề nghị Tòa án xem xét yếu tố sử dụng đất trên diện tích 3,1 ha của các hộ gia đình sau khi được nhà nước giao đất theo quy định tại các Điều 100 và 101 Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn C trình bày tại phiên tòa:

Thông nhất như lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nguyên đơn, buộc bị đơn phải dời dọn toàn bộ cây cối để trả lại diện tích 3,1 ha đất, vì có căn cứ xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp nằm trong sổ Lâm bạ số 128/VP-UB, ngày 29/5/1993 do UBND huyện H cấp cho ông T hiện nay đang còn giá trị, do chính quyền không có hồ sơ lưu trữ về trình tự, thủ tục cấp sổ Lâm bạ số 128/VP-UB, ngày 29/5/1993 của ông T chứ không khẳng định không có giao đất thực địa. Sau khi cấp gia đình ông T có sử dụng phần diện tích này như lời khai của những người làm chứng ông C, ông Việt, ông K, bên cạnh đó việc sử dụng, mua bán giữa các bên từ bà Thuận, đến bà T2, ông Hiến nay sang ông H là không có quyền và không đúng quy định pháp luật.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các khoản 1, 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 101, 104, 106, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 228, khoản 1, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 99, 100, 101, 166, 170, 202 và 203 Luật

đất đai năm 2013; các Điều 688, 689, 691, 697 và Điều 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phương T về việc buộc ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích khoảng 3,1 ha (thực tế 22.839,2m²) đất, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 85 (bản đồ địa chính năm 2015), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường Lâm Nghiệp; phía Nam giáp đất ông V thửa số 32; phía Đông giáp ông T thửa số 42; phía Tây giáp đất bà S thửa số 33 và thu hoạch, di dời 7.263 cây keo (trong đó: Loại cây keo đường kính 01-02cm là: 3.243 cây và loại cây keo có đường kính 02-04cm là: 4.020 cây) trên diện tích đất này. Địa chỉ: Xứ Hóc Lắm - thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 29/5/2023, ông Võ Phương T, bà Cao Thị V đã kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của TAND huyện H đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại do cấp sơ thẩm chưa đánh giá một cách đầy đủ, khách quan các chứng cứ có tại hồ sơ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Võ Phương T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ Phương T, bà Cao Thị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án “*Tranh chấp đòi lại đất*” thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo, nguyên đơn – ông Võ Phương T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Võ Phương T làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn H trả lại 3,1 ha tại xứ Hốc Lâm thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 85 tại thôn T, xã H, huyện H cho gia đình ông, đồng thời di dời, thu hoạch toàn bộ cây cối trên diện tích đất tranh chấp.

Xét thấy, trước năm 1993, diện tích đất tranh chấp do nhà nước quản lý, đến năm 1993 được UBND huyện H cấp cho ông Võ Phương T theo sổ Lâm bạ số 128/VP-UB, ngày 29/5/1993 diện tích 40 ha. Như vậy, việc UBND huyện H giao đất cho ông Võ Phương T theo Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 là phù hợp quy định pháp luật, UBND huyện H xác định hiện nay vẫn đang lưu trữ các hồ sơ tài liệu liên quan đến việc giao Lâm bạ số 128/VP-UB cho ông Võ Phương T, Hạt kiểm lâm huyện H khẳng định: “Hiện tại Hạt Kiểm lâm đang lưu trữ 01 bản gốc sổ lâm bạ số 128 VP/UB ngày 29/05/1993 cấp cho ông Võ Phương T với diện tích đất làm vườn rừng 40ha, được chia làm 05 lô”.

Đồng thời, sau khi được cấp đất, 40 ha đất này đã được ông Võ Phương T thỏa thuận với một số người chia nhỏ để canh tác trồng rừng, UBND xã H cho biết việc phân chia cho các hộ, xã không có danh sách tổ hợp nên không biết thời điểm đó nhà nước có giao cho tổ hợp hay chỉ giao cho ông T. Đến ngày 16/12/2013, thực hiện đề án 3952/QĐ-UBND của UBND tỉnh xét thấy hiện trạng thực tế các hộ dân đang sử dụng ổn định không có tranh chấp, được ông Võ Phương T và các hộ dân cùng sản xuất rừng xác nhận nên UBND xã H đã đưa quỹ đất các hộ đang sử dụng ổn định vào phương án đề nghị giao đất, giao rừng. Từ đề nghị của UBND xã H, UBND huyện H đã cấp giấy CNQSD đất cho 10 hộ gia đình, còn một phần (khoảng 16ha) của ông Võ Phương T chưa được cấp. Quá trình cấp giấy CNQSD đất cho các hộ dân tại tiểu khu 245, xã H đã được tất cả các hộ dân và gia đình ông Võ Phương T thống nhất với nhau, không phát sinh tranh chấp.

Diện tích đất tranh chấp 3,1ha (diện tích thực tế 22.839,2m²) cũng được xác định nằm trong diện tích đất 40 ha đã được UBND huyện H cấp Lâm bạ số 128VP/UB cho ông Võ Phương T. Công văn số 33/CV-UBND ngày 10/05/2022 của UBND xã H xác nhận: “Qua kiểm tra hồ sơ và bản đồ đất lâm nghiệp của xã H thì thửa đất ông Võ Phương T khởi kiện thuộc sổ Lâm bạ do UBND huyện H cấp năm 1993 mang tên Võ Phương T (Quyết định số 128 ngày 29/05/1993) với tổng diện tích 40 ha thuộc tiểu khu 245 xã H”. Công văn số 07/CV-UBND ngày 22/02/2023 của UBND xã H khẳng định: “Nguồn gốc, diện tích thửa đất 3,1ha tại xứ Hốc Lâm nay thuộc thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 85. Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã H, huyện H, Hà Tĩnh trước năm 1993 là quỹ đất do UBND xã quản lý. Phần diện tích đất 3,1ha này nằm trong sổ Lâm bạ ông Võ Phương T được cấp ngày 29/5/1993”. Tại Bản án sơ thẩm cũng nhận định năm 1993 ông Võ Phương T được UBND huyện H giao sử dụng diện tích đất 40ha tại Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 và xác định nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp 3,1ha này trước năm 1993 do Nhà nước quản lý, đến năm 1993 được cấp vào sổ Lâm bạ số 128VP/UB của ông Võ Phương T.

Mặt khác, sổ Lâm bạ số 128VP/UB chưa được bất cứ cơ quan Nhà nước nào có thẩm quyền thu hồi, đây chính là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2014 để chứng minh quyền sử dụng đất của đương sự

trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không xem xét giá trị pháp lý của tài liệu này mà bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phương T là không phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, sau khi ông Võ Phương T được cấp Lâm bạ số 128VP/UB thì đã được giao đất trên thực địa và triển khai dự án trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc. Bản án sơ thẩm cho rằng nguyên đơn không chứng minh được yếu tố sử dụng đất là chưa đánh giá một cách đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án về quá trình sử dụng đất của nguyên đơn. Theo bà Phan Thị Thanh Hà - Cán bộ địa chính UBND xã H cho biết “Khi có quyết định và chủ trương giao đất, ông Võ Phương T đã có đơn xin đề nghị xin cấp đất, sau đó được UBND huyện chấp nhận đơn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Hạt kiểm lâm huyện H đã cử ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện T (nguyên là cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện H), cùng anh Bùi Đình Luyện là người đo đạc - nguyên là tổ thiết kế trồng rừng lâm trường H đến thực địa và tiến hành đo đất thực địa và làm thủ tục cấp đất cho gia đình ông Võ Phương T theo đúng trình tự thủ tục”; Theo ông Nguyễn Huy C - nguyên là cán bộ hạt kiểm lâm nhân dân huyện H cho biết: “Năm 1993 tôi làm việc tại Hạt kiểm lâm nhân dân huyện H phụ trách mảng giao đất giao rừng theo nghị định 02-CP, và triển khai dự án 4304 phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Tôi đã tiến hành đo đạc làm thủ tục giao đất giao rừng cho hộ ông Võ Phương T ở xã H, huyện H với diện tích 40ha tại xứ Hóc Lâm khoảng 1 tiểu khu 245”; Ông Lê V - người làm chứng cũng xác nhận: “Năm 1993 ông Võ Phương T được UBND huyện cấp 40ha rừng theo lâm bạ 128 VP/UB, nhận đất về ông T giao lại cho 7 hộ khác một số diện tích. Sau khi giao đất xong thì tôi có mượn thêm ông T một số đất để trồng lúa ở vùng khoanh tay – Nước vàng tại lô 1 của Lâm bạ (nay là thửa 25 tờ bản đồ 85). Thu hoạch xong lúa tôi giao lại cho gia đình ông T trồng bạch đàn. Tôi Lê V cùng ông Trần Xuân K, Nguyễn Văn D cùng biết năm 2001 triển khai chương trình hỗ trợ của I-Pắc, ông T có cho anh Nguyễn Văn TX mượn khoảng 3ha để thực hiện chương trình I-Pắc tại thửa đất 25 tờ bản đồ số 85”.

Như vậy, diện tích đất tranh chấp 3,1ha (diện tích thực tế 22.839,2m²) được xác định nằm trong diện tích đất 40ha ông Võ Phương T được cấp Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993. Mặc dù hiện nay trong số diện tích đất 40ha này có một số diện tích đất ông Võ Phương T và những người khác đã được cấp GCNQSD đất, tuy nhiên không phải toàn bộ diện tích đất 40ha được giao tại Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 đều đã được cấp đổi GCNQSD đất. Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 chưa được cấp đổi hết diện tích đất, chưa bị bất kỳ cơ quan nào ra quyết định thu hồi nên đương nhiên có giá trị pháp lý theo quy định pháp luật.

[2.2] Đối với việc ông Võ Phương T cho rằng ông cho anh Nguyễn Văn TX mượn đất nhưng việc cho mượn không có chứng cứ chứng minh, anh Nguyễn Văn TX hiện nay đã chết nên vấn đề nay không thể chứng minh trên thực tế. Tuy nhiên trên thực tế, việc ông Võ Phương T được UBND huyện H cấp sổ Lâm bạ 128 và chưa có bất cứ giấy tờ chuyển nhượng nào cho gia đình ông Nguyễn Văn Bính, bà D Thị T và anh Nguyễn Văn TX. Thửa đất tranh chấp được gia đình ông Nguyễn Văn Bính, bà D Thị T và anh Nguyễn Văn TX là thành viên dự án IFAC trồng rừng sử dụng từ năm 2002. Sau khi ông Nguyễn Văn Bính và anh Nguyễn Văn TX chết,

bà D Thị T không đủ sức khỏe để có thể tiếp tục sản xuất nên năm 2012 bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bảo H và bà Nguyễn Thị T2. Năm 2020, gia đình ông Hiến, bà T2 tiếp tục bán diện tích trên cho ông Nguyễn Văn H. Xét tính hợp pháp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D Thị T và bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Bảo H ngày 16/5/2012 được UBND xã H xác nhận là không đúng về nội dung và hình thức văn bản. Bản thân bà D Thị T cũng chưa được Nhà nước cấp giấy CNQSD đất nhưng đã tiến hành chuyển nhượng. Để chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thì người được quyền chuyển nhượng phải có quyền, nghĩa vụ đối với thửa đất đó và được nhà nước thừa nhận bằng Giấy CNQSD đất, theo quy định khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai. Xét tính hợp pháp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Bảo H, bà Nguyễn Thị T2 đối với ông Nguyễn Văn H: Năm 2020, ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay, không có xác nhận chính quyền địa phương. Khi chuyển nhượng hợp đồng phải được lập thành văn bản phải công chứng, chứng thực ở các cơ quan có thẩm quyền. Việc bà T2, ông Hiến chưa được nhà nước công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất này nhưng chuyển nhượng cho người khác là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các đương sự nói trên đã vi phạm hình thức, nội dung, không được nhà nước bảo vệ và không có giá trị pháp lý theo quy định Điều 501, 502 và 503 BLDS năm 2015; Điều 688, 689, 691, 697 và Điều 698 BLDS năm 2005.

[2.3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tính hợp pháp của sổ Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 cấp cho ông Võ Phương T diện tích 40ha là không còn vì diện tích đất này đã được Nhà nước cấp GCNQSD đất cho hơn 10 hộ gia đình gần hết diện tích đất trong sổ Lâm bạ nhưng chưa thu hồi, cần kiến nghị các cơ quan nhà nước thu hồi Lâm bạ số 128VP/UB ngày 29/05/1993 là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nguồn gốc, việc nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn H không đúng quy định pháp luật, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thửa đất này nhưng không xem xét đầy đủ tài liệu chứng cứ về nguồn gốc đất của nguyên đơn ông Võ Phương T trong vụ án này để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phương T là chưa xem xét đầy đủ tài liệu chứng cứ, không phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định trên có thể khẳng định có đủ căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – ông Võ Phương T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị V buộc ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích đất 3,1 ha tại xứ Hóc Lâm thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 85 tại thôn T, xã H, huyện H cho gia đình ông Võ Phương T. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định hiện cây cối trên diện tích đất tranh chấp đang còn nhỏ, nếu di dời ảnh hưởng đến giá trị kinh tế. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự cần giữ nguyên hiện trạng cây và buộc ông Võ Phương T bù trừ 87.335.100 đồng tương đương giá trị của 3243 cây keo đường kính 1-2 cm và 4020 cây keo đường kính 2-4 cm cho ông Nguyễn Văn H.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Trong quá trình Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá thửa đất và các tài sản trên đất đã thu của nguyên đơn ông Võ Phương T số tiền 10.000.000 đồng. Đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 8.800.000 đồng (có biên bản và hợp đồng kèm theo). Tại cấp sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 8.800.000 đồng, trả lại số tiền 1.200.000 đồng và đã được Tòa án hoàn trả đầy đủ cho ông T. Tại cấp phúc thẩm, ông T trình bày ý kiến về việc tự nguyện chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 8.800.000 đồng.

[3.2] Về án phí:

- Nguyên đơn – ông Võ Phương T được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn - ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận là 300.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị V được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các khoản 1, 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 101, 104, 106, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 228, khoản 1, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 99, 100, 101, 166, 170, 202 và 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 688, 689, 691, 697 và Điều 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – ông Võ Phương T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích đất khoảng 3,1 ha (thực tế 22.839,2m²) đất, thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 85 (bản đồ địa chính năm 2015), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường Lâm Nghiệp; phía Nam giáp đất ông V thửa số 32;

phía Đông giáp ông T thửa số 42; phía Tây giáp đất bà S thửa số 33 tại xứ Hóc Lâm, thôn T, xã H, huyện H cho gia đình nguyên đơn ông Võ Phương T.

- Buộc nguyên đơn ông Võ Phương T trả số tiền 87.335.100 đồng (*tương đương giá trị của 3243 cây keo đường kính 1-2 cm và 4020 cây keo đường kính 2-4 cm*) cho bị đơn ông Nguyễn Văn H.

2. Về chi phí tố tụng: Ông T chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 8.800.000 đồng.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn – ông Võ Phương T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Bị đơn - ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Cao Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- TA, VKS, THA cấp sơ thẩm;
- Lưu HSVA, Toà DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền